

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TPNĐ
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 221/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TPNĐ - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Phương Thủy – Thư ký Toà án nhân dân TPNĐ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPNĐ tham gia phiên toà: Ông Ngô Đức Sang – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân TPNĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1990; căn cước công dân số 036190015884; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 5/39 GM, phường Vị X, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ngõ 235 Hoàng Văn T, phường Nguyễn D, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1990; căn cước công dân số 036090004768; nơi đăng ký thường trú: Số nhà 5/39 GM, phường Vị X, TPNĐ, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Ngõ 235 Hoàng Văn T, phường Nguyễn D, TPNĐ, tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Minh T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân phường Vị X, TPNĐ vào ngày 13-01-2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T cho rằng chị hỗn láo với anh T, anh hay chửi, đánh chị nhiều lần, có hàng xóm chứng kiến. Có lần vợ chồng cãi nhau Công an

phường Nguyễn D đã nhắc nhở. Chị và anh T đã có biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhiều lần, hai bên gia đình đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Phan Minh T có 01 con chung là Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con vì chị có đủ điều kiện để nuôi con: Chị làm ở công ty may TCE DENIM có thu nhập ổn định, lương một tháng là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đảm bảo mọi điều kiện để cho con phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 23-6-2022, và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Phan Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị B trình bày. Sau khi kết hôn anh và chị Phạm Thị B sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng không hiểu nhau, xảy ra cãi nhau. Có lần anh đã không kiềm chế được bản thân nên đã đánh chị B và bị Công an phường Nguyễn D, TPND xuống nhà nhắc nhở. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh muốn Tòa án tiếp tục tạo điều kiện thêm thời gian cho anh chị thống nhất và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con vì nếu con anh lớn hơn và đã vào cấp 2 thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa anh nhất trí ly hôn chị Phạm Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung là Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017. Nếu ly hôn anh nhất trí chị B là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh trình bày anh và chị B tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 1, phường Nguyễn D, TPND nơi anh

Phan Minh T và chị Phạm Thị B cư trú cung cấp:

Vợ chồng chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Vị X, TPND vào ngày 13-01-2016. Vợ chồng có đăng ký thường trú tại: Số nhà 5/39 GM, phường Vị X, TPND, tỉnh Nam Định. Hiện tại vợ chồng anh chị cùng con là Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017 sinh sống tại: Ngõ 235 Hoàng Văn T, phường Nguyễn D, TPND, tỉnh Nam Định. Trong quá

trình vợ chồng sinh sống tại địa phương đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B, anh T và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPND tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị B và anh T: chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T: Anh T và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí ly hôn sơ thẩm chị Phạm Thị B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phan Minh T, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Phan Minh T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường Trường Thi, TPND vào ngày 30-11-2015. Như vậy hôn nhân giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T khai do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau trong sinh hoạt hàng ngày, anh T có lần đã đánh chị B và Công an phường phải đến giải quyết. Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T cũng đã có biện pháp giải quyết mâu thuẫn đề vợ chồng đoàn tụ

nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa chị B và anh T nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T.

2.2. Về nuôi con: Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T có 01 con chung là cháu Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017. Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T thống nhất thỏa thuận: Chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn. Xét chị Phạm Thị B có đủ điều kiện nuôi con nên sự thỏa thuận của chị B và anh T được Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí Dân sự sơ thẩm:*

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Chị Phạm Thị B là nguyên đơn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị B đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 55; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T: Chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phan Hồng Q (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-02-2017. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Phạm Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 ngày 31-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự TPND.

5. Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự: Chị Phạm Thị B và anh Phan Minh T có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án. Anh Phan Minh T có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TPND;
- Chi cục Thi hành án Dân sự TPND;
- UBND phường Vị X TPND(Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2016 ngày 13-01-2016)
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh